TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 01/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 01 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Hòa;
Ông Phạm Hùng Cường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư kýTòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy H – sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà H có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T – sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D2, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2024, bản tự khai ngày 03/12/2020,biên bản hòa giải ngày 13/12/2024, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy H trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Kim T là bạn làm ăn. Trước đó bà T có vay tiền bà nhiều lần. Ngày 08/7/2024, bà Trần Thị Kim T có vay bà số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* để làm ăn, bà T hẹn miệng sau 04 tháng sẽ trả. Các bên có viết giấy mượn tiền. Trước khi đến hạn theo thỏa thuận miệng 15 ngày, ngày 24/10/2024 bà có làm thông báo yêu cầu bà T trả nợ cho bà vào ngày 07/11/2024. Khi đến hạn trả nợ (07/11/2024), bà T không trả nợ cho bà. Khi đến hạn, bà hỏi thì bà T nói không có tiền trả. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà một lần

số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, bà không yêu cầu lãi suất. Thời hạn trả chậm nhất đến ngày 08/02/2025.

**Tại bản tường trình ngày 05/12/2024, biên bản hòa giải ngày 13/12/2024 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:*

Bà xác định bà có vay tiền làm ăn cá nhân đối với bà Nguyễn Thị Thùy H như sau:

- Đợt 1 vay 50.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng, từ tháng 6/2022 đến cuối tháng 7/2022, bà trả hàng tháng 3.000.000 đồng.
- Đợt 2 vay thêm 150.000.000 đồng thời hạn 02 tháng, từ tháng 8/2022 đến cuối tháng 9/2022, bà trả hàng tháng 12.000.000 đồng.
- Đợt 3 vay tiếp 100.000.000 đồng thời hạn 04 tháng, từ tháng 10/2022 đến cuối tháng 01/2023, bà trả hàng tháng 18.000.000 đồng.
- Đợt 4 vay tiếp 200.000.000 đồng thời hạn 05 tháng, từ tháng 02/2023 đến tháng 6/2022, bà trả hàng tháng 30.000.000 đồng.
- Đợt 5 vay tiếp 100.000.000 đồng thời hạn 14 tháng, từ tháng 7/2023 đến cuối tháng 9/2024, bà trả hàng tháng 36.000.000 đồng.

Từ tháng 9/2024 đến nay, do điều kiện kinh tế khó khăn, việc làm ăn gặp khó nên bà mất khả năng chi trả. Khi thấy bà không còn khả năng trả nợ, bà H yêu cầu bà viết giấy mượn tiền ngày 08/7/2024. Giấy mượn tiền do bà viết và ký tên. Khi bà trả tiền cho bà H thì bà không lập bất cứ giấy tờ gì. Đồng thời bà H đã hủy bỏ các giấy vay nợ cũ nên bà không có bằng chứng chứng minh đã trả cho bà H.

Nay bà H yêu cầu bà trả một lần cho bà H số tiền 600.000.000 đồng *(sáu trăm triệu đồng)* bà không đồng ý vì hiện nay bà không có khả năng trả nợ.

** Ý kiến của Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét (có bài phát biểu chi tiết kèm theo hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả lại số tiền vay của bà là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả lại số tiền còn nợ của bà là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, các bên có lập giấy mượn và ký tên; yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 08/7/2024 bà Nguyễn Thị Thùy H có cho bà Trần Thị Kim T vay với số tiền là: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận miệng thời hạn vay 04 tháng, vay không lãi suất. Bị đơn bà Trần Thị Kim T cũng thừa nhận việc vay nợ như trình bày của nguyên đơn. Việc vay mượn các bên có giấy xác nhận nợ, vì vậy đây là giao dịch hợp pháp nên cần được công nhận.

Bà T cho rằng bà vay nhiều lần đã trả cho bà H.

[4] Về chứng cứ chứng minh: Bị đơn Trần Thị Kim T thừa nhận viết giấy vay nợ ngày 08/7/2024 vay 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*. Ngoài ra, không có chứng cứ gì khác chứng minh bà T đã trả nợ. Chứng cứ do bị đơn cung cấp phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy H như sau:

Việc bà Trần Thị Kim T vay bà Nguyễn Thị Thùy H số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, có viết giấy và được các bên thừa nhận nên đây là giao dịch hợp pháp. Căn cứ vào giấy nhận nợ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn thể hiện việc vay tiền là có thật phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy H. Do vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy H yêu cầu bà Trần Thị Kim T trả số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Kim T phải trả một lần cho bà Nguyễn Thị Thùy H số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

[6] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 28.000.000 đồng *(Hai mươi tám triệu đồng)*. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thùy H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị Kim T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy H số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 28.000.000 đồng *(Hai mươi tám triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thùy H

14.000.000 đồng *(Mười bốn triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 00009xx ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

3. Quy định:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận